

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR	7:25	15	0		20	0	
2		CTK3+RP2	7:25	16+4	0+0		15+7	0+0	
3		BK14+RP1+CTC1	7:25	16+0+0	0+0+0		10+11+1	0+0+0	
4		CTK3	7:25	17	0		19	0	puma
5		TD1	9:25	15	0		22	0	
6		CLO	9:25	13	0		22	0	
7		TD1+CLO	11:25	6+7	0+0		10+12	0+0	
8		MRM+BK9+RP2	11:25	9+5+2	0+0+0		1+15+6	0+0+0	
9		TD3+BK14	13:25	11+5	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 1 người avr về bờ đi MRM

2/ Đi về trong ngày BK14-Ing, RP2-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO:SAVR	CREW: VIỆT - SON - MQUÂN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/5200	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KORSHUNOV SERGEY	SAVR	42-43	2	15			90	AMHGP	Russian
2	DOROSHENKO ARTEM	SAVR	52-53	2	13			76	AMHGP	Russian
3	PROKOFEV ARTEMII	SAVR	48-49	2	16			85	AMHGP	Russian
4	KRYLOV EVGENII	SAVR	50-51	2	13			79	AMHGP	Russian
5	DOMKIN EVGENII	SAVR	35-36	2	9			90	AMHGP	Russian
6	STUKALOV DMITRY	SAVR	40-41	2	12			74	AMHGP	Russian
7	MUSIN ALEKSEI	SAVR	37-38	2	13			89	AMHGP	Russian
8	KIMAKOVSKII STANISLAV	SAVR	39	1	16			94	AMHGP	Russian
9	NEKRASOV IGOR	SAVR	54-55	2	16			93	AMHGP	Russian
10	URZHANOV BAKHETZHAN	SAVR	46-47	2	15			105	AMHGP	Russian
11	AMINOV DINAR	SAVR	60-61	2	12			71	AMHGP	Russian
12	GORCHAKOV SERGEI*	SAVR	34	1	12			99	AMHGP	Russian
13	REBROV ILIA	SAVR	44-45	2	17			83	AMHGP	Russian
14	PHAM NGOC HUY	SAVR	56-57	2	11			73	AMHGP	Vietnamese
15	THAI VAN THINH	SAVR	58-59	2	17			61	AMHGP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	15	1.262	28	207	0	0	20		
TOTAL		15	1.262	28	207	0	0	20		
WEIGHT KG			1.262		207		0			

GRAND TOAL: 1.469 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:CTK3 - RP2	CREW: VTHẮNG - N.CƯỜNG - NNAM	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/5207	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CAO VĂN ĐẠU	CTK3	92	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	98	1	6			46	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI TIEN DUNG	CTK3	99	1	10			70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH NHỎ HOANG	CTK3	88	1	7			90	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN NGỌC TRI*	CTK3	87	1	11			63	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN HUY	CTK3	489	1	10			70	ANTOAN	Vietnamese
7	BUI VĂN DOANH	CTK3	97	1	11			66	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	93	1	4			66	HVJOC	Vietnamese
9	BUI NGỌC HUY*	CTK3						75	TEKA	Vietnamese
10	LÊ MINH HIỂU	CTK3	89-90	2	14			70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	91	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	86	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	95-96	2	12			63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	200	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	90	1	15			82	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG PHÚC THẮNG*	CTK3	84	1	5			86	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRÍ TIN	CTK3	85	1	3			76	SANBAY	Vietnamese
18	SYDOROV I.N.	RP2	84	1	3			88	D-HANH	Russian
19	BOVT A.V	RP2	85	1	3			94	D-HANH	Russian
20	POPOV A.A*	RP2				1	7	80	KH-THAC	Russian
21	KRAMARENKO V.V*	RP2						68	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.182	18	131	0	0	15		+ 1 NB về giờ phụ
2	RP2	4	330	2	6	1	7	7		
TOTAL		21	1.512	20	137	1	7	22		
WEIGHT KG			1.512		137		7			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: BK14 - RP1 - CTC1	CREW: DUONG - HTRUNG - HIEU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/5204	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TRONG MINH	BK14	86	1	7	1	20	64	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THANH TAI	BK14	82-83	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
3	HO QUANG HIEP	BK14	19	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
4	LE ANH TUAN (17373)	BK14	99.39	2	7			87	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN QUANG TUAN	BK14	92	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG NGUYEN	BK14	84	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
7	LE MINH DUC	BK14	85	1	6	1	18	81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HONG MINH	BK14	2000	1	16			92	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NHAN KHANH	BK14	87	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET LONG	BK14	89	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THIN	BK14	80	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BA LINH	BK14	90	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM DUY PHUC	BK14	88	1	13			67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐANG TUAN ANH	BK14	91	1	9			87	CODIEN	Vietnamese
15	LE TUAN ANH	BK14	93-94	2	13	4	65	79	CODIEN	Vietnamese
16	TRAN VAN CHIEN	BK14	17	1	13	1	13	73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	16	1.217	19	142	7	116	10		
2	RP1	0	0	0	0	1	6	11		
3	CTC1	0	0	0	0	1	17	1		
TOTAL		16	1.217	19	142	9	139	22		
WEIGHT KG			1.217		142		139			

GRAND TOAL: 1.498 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:25
B.CARD: XANH-1	TO:CTK3	CREW: ATUAN - VLINH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/5210	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	97-98	2	12			49	KH-THAC	Vietnamese
2	LE THANH HA	CTK3	99	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH QUANG HOAN	CTK3	91	1	9	2	30	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH LUAN	CTK3	294	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG PHƯƠNG NAM	CTK3	95	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN KHẮC THẮNG	CTK3	298	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐINH CÔNG	CTK3	296-297	2	9			64	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC SANG	CTK3	295	1	12			53	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG VIET HUNG	CTK3	94	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE NGOC GIAO	CTK3	87	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG AN	CTK3						68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	92	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG HAI	CTK3	299	1	12			75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	500,293	2	13	1	5	71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRỌNG MẠNH	CTK3	88	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
16	LE VAN TIEN	CTK3	93	1	5			55	TRUONG V	Vietnamese
17	TRAN HOANG KHANH	CTK3	96	1	7			72	TRUONG V	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	17	1.133	19	134	3	35	19		
	TOTAL	17	1.133	19	134	3	35	19		
	WEIGHT KG		1.133		134		35			

GRAND TOAL: 1.302 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD1	CREW: QVIET - SON - MQUÂN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/5201	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	44	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VĂN NAM	TD1	37	1	14			68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ QUỐC BAO	TD1	33	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	42	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THANH	TD1	46-47	2	9			73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SÁNG	TD1	89	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH ĐỨC TIỀN	TD1	43	1	4			75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY LONG	TD1	41	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ THẾ HÙNG	TD1	36	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
10	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD1	45	1	10			85	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ HỒNG TÍN	TD1	34-35	2	10	2	40	80	YTE	Vietnamese
12	MAI ANH TUÂN	TD1	49-50	2	19			72	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	48	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	31	1	6			96	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGỌC SƠN	TD1	32	1	5			60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	15	1.074	18	121	2	40	22		
TOTAL		15	1.074	18	121	2	40	22		
WEIGHT KG			1.074		121		40			

GRAND TOAL: 1.235 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

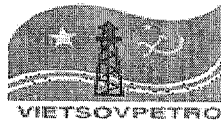
ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
PHẠM THÁI SƠN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: CLO	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/5205	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VOROBYEV SERGEY	CLO	14	1	5	3	50	101	KHOAN	Russian
2	DATSKO PAVEL	CLO	96	1	10			116	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN LỘC	CLO	99	1	11			74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN ANH	CLO	12	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY THÀI	CLO	13	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HỮU SƠN	CLO	79	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH BÌNH	CLO	15	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG MINH PHÚC	CLO	115	1	3			79	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ XUÂN THANH	CLO	100	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	97	1	8			63	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN BUI QUANG	CLO	16-17	2	9			71	KHOAN	Vietnamese
12	QUÁCH THẾ ANH	CLO	98	1	7			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	12	940	13	86	3	50	22		
TOTAL		12	940	13	86	3	50	22		
WEIGHT KG			940		86		50			

GRAND TOAL: 1.076 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: TRANG-3	TO: TD1 - CLO	CREW: LINH - ĐNAM - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/5202	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TÔNG VĂN THÈ	TD1	98	1	12			85	SCHLUMBE	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THAI	TD1	24,51	2	17			82	SCHLUMBE	Vietnamese
3	NGO TRI HOANG	TD1	97	1	10			66	DVL	Vietnamese
4	LÊ VĂN NGỌC	TD1						72	PSV	Vietnamese
5	ĐẬU ĐỨC HUNG	TD1	30	1	6			72	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH CÔNG	TD1	29	1	4			70	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TIỀN	CLO	07-08	2	17			75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN HAI	CLO	06	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG DŨ KHANH	CLO	11	1	12	1	16	75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THẠCH	CLO	04	1	7			60	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYỄN BA HUNG	CLO	09	1	8			79	DVL	Vietnamese
12	TRẦN CÔNG CHIÊN	CLO	05	1	15			83	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	CLO	10	1	7			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	6	447	6	49	0	0	10		
2	CLO	7	519	8	74	1	16	12		
TOTAL		13	966	14	123	1	16	22		
WEIGHT KG			966		123		16			

GRAND TOAL: 1.105 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO:MRM - BK9 - RP2	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/5206	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN NGOC TIEN*	MRM	59-60	2	14			59	DVL	Vietnamese
2	VUONG KIEN QUOC*	MRM	57	1	10			78	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN THU	MRM	53	1	15			64	DVL	Vietnamese
4	TRAN VAN HIEP	MRM	56	1	16			74	DVL	Vietnamese
5	TRAN VAN THUAT	MRM	58	1	15			79	DVL	Vietnamese
6	DO THANH TIEN	MRM	52	1	17			80	DVL	Vietnamese
7	LE HOAI THIEN	MRM	55	1	15			75	DVL	Vietnamese
8	VU VAN NAM	MRM	54	1	14			74	DVL	Vietnamese
9	DANG HOANG ANH	BK9	13-14	2	10	2	35	85	KH-THAC	Vietnamese
10	VO THE HAU	BK9	11	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRUONG AN	BK9	10	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	BK9	12	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese
13	DO LY KHANH	BK9	09	1	14			85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TUNG	RP2	89	1	7			76	CODIEN	Vietnamese
15	VU DINH TU	RP2	88	1	8			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	8	583	9	116	0	0	1		
2	BK9	5	392	6	49	2	35	15		
3	RP2	2	140	2	15	0	0	6		
TOTAL		15	1.115	17	180	2	35	22		
WEIGHT KG			1.115		180		35			

GRAND TOAL: 1.330 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BUI THI HIEN LUONG

CREW

BUI HOANG DUONG

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
B.CARD: TIM-4	TO: P2 - TD3 - BK14	CREW: LINH - ĐNAM - TOAN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/5203	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN XUÂN	TD3	30	1	5			70	ĐĂNG KIỂM	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TAM	TD3	43	1	7			74	HA VIỆT	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN AN	TD3	40	1	9			56	HA VIỆT	Vietnamese
4	PHAN VĂN THANH	TD3	97	1	9			61	HA VIỆT	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUY	TD3	11-12	2	15	2	47	74	HA VIỆT	Vietnamese
6	TRƯƠNG THANH THÔNG	TD3	44	1	10	2	40	54	HA VIỆT	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN THANH	TD3	42	1	7			57	HA VIỆT	Vietnamese
8	HOÀNG VŨ HỒNG ĐỨC	TD3	10	1	12			80	HA VIỆT	Vietnamese
9	TÔNG NGUYỄN CƯỜNG	TD3	41	1	11			86	HA VIỆT	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH*	TD3	95-96	2	17			69	PVG	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUANG	TD3	98-99	2	13			68	PVG	Vietnamese
12	PHẠM THANH NAM*	TD3	300	1	7			57	PVG	Vietnamese
13	NGUYỄN BÀ THANH	BK14	05	1	18	1	7	71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÀ	BK14	03	1	15	1	10	59	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HIỆU	BK14	08-09	2	15	2	35	84	NIPI	Vietnamese
16	HOÀNG VIỆT ANH	BK14	07	1	6			68	PSV	Vietnamese
17	LÊ HAI AN	BK14	40	1	6			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	0	0	0	0	1	6	0	tl	CHUYỂN 1 PAX P2-TD3
2	TD3	12	806	15	122	4	87	5		
3	BK14	5	355	6	60	4	52	17		
TOTAL		17	1.161	21	182	9	145	22		
WEIGHT KG			1.161		182		145			

GRAND TOAL: 1.488 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN ĐỨC NAM

